

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG
THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vinh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vinh Long được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 24 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vinh Long cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vinh Long
- Điện thoại : (070) 3.822.512
- Fax : (070) 3.823.773

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn gạo;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Xay xát và sản xuất bột thô;



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Thọ Trí	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Cao Minh Lãm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Văn Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Minh Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2010
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Hùng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 




Trần Thành Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

00
NH
TNHH
TƯ V
C
TH
CÁ



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84-8) 3 5472972 - Fax: (84-8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Đống Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 044CT/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2016, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.5, Công ty được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Công ty không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Công ty vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán.

Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông và Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng tổn thất (nếu có) đối với khoản đầu tư tài chính nêu trên của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính. Xem chi tiết giá trị các khoản đầu tư tài chính nêu trên tại thuyết minh Báo cáo tài chính V.2b.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính rằng:

Như đã trình bày ở phần thuyết minh số XIII.8, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty tiếp tục bị lỗ 72.770.943.139 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 161.168.869.474 VND. Đồng thời, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn của Công ty là 102.292.745.850 VND và vốn chủ sở hữu của Công ty bị âm 4.287.649.394 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính đó tại ngày 24 tháng 3 năm 2015. Các ngoại trừ liên quan đến việc Công ty được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế TNDN là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Công ty không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Công ty vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán. Đồng thời, Báo cáo kiểm toán năm trước cũng nêu ý kiến ngoại trừ về khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính của Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông và Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long vì không đủ bằng chứng kiểm toán.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Bé Ghi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.607.457.888	146.855.535.514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.535.423.688	10.136.755.309
1. Tiền	111		1.235.423.688	9.286.755.309
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.300.000.000	850.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.240.500	1.472.100
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	11.250.882	11.250.882
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(10.010.382)	(9.778.782)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.751.795.739	126.806.261.830
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	120.430.378.250	131.922.758.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.101.595.890	6.131.652.873
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	34.200.354.938	34.668.495.831
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(78.980.533.339)	(45.916.645.197)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.869.314.222	9.053.602.703
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.822.565.500	9.053.602.703
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.953.251.278)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.449.683.739	857.443.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	94.000.000	398.993.579
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		319.531.847	452.933.554
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.036.151.892	5.516.439
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.951.785.181	199.216.192.196
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		69.081.992.228	167.469.491.375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	53.085.255.567	126.131.631.354
- Nguyên giá	222		117.900.166.607	200.924.058.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.814.911.040)	(74.792.426.897)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.996.736.661	41.337.860.021
- Nguyên giá	228		16.224.611.975	42.411.190.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.875.314)	(1.073.330.838)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.460.049.286	23.826.684.529
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	9.470.000.000	9.470.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	5.250.000.000	5.250.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	11.500.000.000	11.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(2.759.950.714)	(2.393.315.471)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.409.743.667	7.920.016.292
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	303.094.517	1.644.642.603
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	6.106.649.150	6.275.373.689
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		187.559.243.069	346.071.727.710

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		191.846.892.463	277.496.433.965
I. Nợ ngắn hạn	310		190.900.203.738	235.538.378.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	295.000	10.282.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	64.700.000	681.637.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	415.222.862	43.587.246
4. Phải trả người lao động	314	V.15	858.120.000	2.892.972.885
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	11.494.942.528	281.788.121
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	417.516.000	417.516.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	177.599.875.344	231.161.062.300
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	49.532.004	49.532.004
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		946.688.725	41.958.055.451
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	40.244.437.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	946.688.725	1.713.618.451
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15-00
 LÃNH
 / TÍNH
 VÀ TỰ
 C
 V THO
 P. C. A.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(4.287.649.394)	68.575.293.745
I. Vốn chủ sở hữu	410		(4.287.649.394)	68.575.293.745
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	119.599.820.000	119.599.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.599.820.000	119.599.820.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	37.281.400.080	37.281.400.080
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(161.168.869.474)	(88.305.926.335)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(88.305.926.335)	(88.305.926.335)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(72.862.943.139)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		187.559.243.069	346.071.727.710

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 02 năm 2016



Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu



Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	209.149.657.431	802.544.542.893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		209.149.657.431	802.544.542.893
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	202.598.540.678	786.329.694.806
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.551.116.753	16.214.848.087
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.121.444.721	36.321.760.633
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26.739.851.035	43.832.040.935
Trong đó: chi phí lãi vay	23		24.033.576.981	32.380.933.851
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.419.339.484	25.890.795.473
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	50.445.624.085	65.204.277.092
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(73.932.253.130)	(82.390.504.780)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5.488.250.932	25.795.082.647
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.158.216.402	4.805.386.732
13. Lợi nhuận khác	40		1.330.034.530	20.989.695.915
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(72.602.218.600)	(61.400.808.865)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	3.782.136.938
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	168.724.539	259.620.530
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(72.770.943.139)	(65.442.566.333)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 02 năm 2016


Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởngTrần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(72.602.218.600)	(61.400.808.865)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	10.540.196.584	15.579.189.961
- Các khoản dự phòng	03		34.617.076.537	31.970.784.380
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	48.539.975	421.124.612
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.778.194.926)	(30.982.349.709)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	24.033.576.981	32.380.933.851
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.141.023.449)	(12.031.125.770)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.093.344.203	54.333.732.297
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.231.037.203	141.747.097.095
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.253.990.335)	(31.816.501.965)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.646.541.665	1.636.056.772
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.820.422.574)	(32.908.724.254)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.036.151.892)	(5.079.666.528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	643.192.035
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(92.000.000)	(1.380.207.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.372.665.179)	115.143.852.523
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.951.382.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		89.017.848.019	22.294.443.629
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	6.607.649.470	20.036.723.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		95.625.497.489	40.379.785.498

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	201.683.195.158		1.119.560.823.665	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(295.537.094.064)		(1.521.405.330.865)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		(9.520.769.600)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	40		(93.853.898.906)		(411.365.276.800)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.601.066.596)		(255.841.638.779)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.136.755.309		265.976.631.723	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	61		(265.025)		1.762.365	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.535.423.688		10.136.755.309	

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 02 năm 2016



Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu



Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Đơn vị đã thực hiện việc chuyển nhượng bất động sản. Hoạt động chuyển nhượng này đã làm cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ 3.902.925.882 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH lương thực Kiên Nông có trụ sở chính tại tổ 5, ấp Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là kinh doanh lương thực, thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 60%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long có trụ sở chính tại 26 đường 3/2, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh theo hệ thống chuỗi siêu thị. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 26,25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Các đơn vị trực thuộc của Công ty đều hạch toán báo số.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 77 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 175 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 39 - 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	11.250.882	1.240.500	(10.010.382)	11.250.882	1.472.100	(9.778.782)
Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt	8.162.500	714.000	(7.448.500)	8.162.500	816.000	(7.346.500)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	3.088.382	526.500	(2.561.882)	3.088.382	656.100	(2.432.282)
Cộng	11.250.882	1.240.500	(10.010.382)	11.250.882	1.472.100	(9.778.782)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.778.782	9.778.782
Trích lập bổ sung	231.600	-
Số cuối năm	10.010.382	9.778.782

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	9.470.000.000	(1.532.331.909)	7.937.668.091	9.470.000.000	(1.183.675.469)	8.286.324.531
Công ty TNHH lương thực Kiên Nông ⁽ⁱ⁾	9.470.000.000	(1.532.331.909)	7.937.668.091	9.470.000.000	(1.183.675.469)	8.286.324.531
Đầu tư vào công ty liên kết	5.250.000.000	-	5.250.000.000	5.250.000.000	-	5.250.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn-Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	5.250.000.000	-	5.250.000.000	5.250.000.000	-	5.250.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.500.000.000	(1.200.748.539)	10.299.251.461	11.500.000.000	(1.209.640.002)	10.290.359.998
Công ty cổ phần bia Sài Gòn-Vĩnh Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn-Ninh Chữ ^(iv)	5.000.000.000	(955.564.691)	4.044.435.309	5.000.000.000	(937.585.888)	4.062.414.112
Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông ^(v)	5.000.000.000	(272.054.114)	4.727.945.886	5.000.000.000	(272.054.114)	4.727.945.886
Cộng	26.220.000.000	(2.759.950.714)	23.460.049.286	26.220.000.000	(2.393.315.471)	23.826.684.529

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452768 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Kiên Nông 48.000.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 9.470.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 9.470.000.000 VND, tương đương 20% vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Kiên Nông là 38.530.000.000 VND.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500412758 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 3 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long 5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ).
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 150.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty cổ phần bia Sài Gòn - Vĩnh Long (số đầu năm là 150.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ).
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu, tương đương 5,72% vốn điều lệ của Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ (số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 5,72% vốn điều lệ).
- (v) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông (số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH lương thực Kiên Nông hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(2.393.315.471)	(2.110.260.449)
Trích lập dự phòng bổ sung	(366.635.243)	(283.055.022)
Số cuối năm	(2.759.950.714)	(2.393.315.471)

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch nhận lợi nhuận từ Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long là công ty liên kết với số tiền là 6.408.857.915 VND (năm trước là 3.203.807.926 VND).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	98.570.404.619	106.486.862.569
Công ty cổ phần Docimexco	98.328.564.251	105.665.064.251
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	241.840.368	821.798.318
Phải thu các khách hàng khác	21.859.973.631	25.435.895.754
Các khách hàng khác	21.859.973.631	25.435.895.754
Cộng	120.430.378.250	131.922.758.323

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 98.328.564.251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 18.648.568.040 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang.

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 108.371.269.195 VND Công ty đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2015 có giá trị 11.169.167.006 VND Công ty đang tiến hành khởi kiện.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>5.101.595.890</i>	<i>6.131.652.873</i>
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng	5.009.287.000	6.050.000.000
Các nhà cung cấp khác	92.308.890	81.652.873
Cộng	5.101.595.890	6.131.652.873

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>				
- Cục thuế Vĩnh Long – thuế TNDN bị truy thu (*)	31.347.563.097	-	31.347.563.097	-
- Tạm ứng nhân viên	115.114.394	-	201.347.282	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.737.677.447	-	3.119.585.452	-
Cộng	34.200.354.938	-	34.668.495.831	-

(*) Công ty được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Công ty không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Công ty vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		87.996.124.679	26.398.837.404		95.332.624.679	63.633.105.404
Công ty cổ phần Docimexco ⁽ⁱ⁾	Dưới 01 năm	-	-	Dưới 01 năm	95.332.624.679	63.633.105.404
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	87.996.124.679	26.398.837.404	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		27.063.447.721	9.465.433.257		31.014.749.765	16.797.623.843
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Dưới 01 năm	-	-	Dưới 01 năm	12.377.730.738	8.664.411.516
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	10.287.886.269	5.143.943.133	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	16.266.424.655	8.133.212.327
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	14.404.967.080	4.321.490.124	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
	Trên 03 năm	2.155.825.972	-	Trên 03 năm	2.370.594.372	-
Cộng		114.844.804.000	35.864.270.661		126.347.374.444	80.430.729.247

- (i) Khoản phải thu Công ty cổ phần Docimexco ngoài khoản tiền gốc 87.996.124.679 VND còn phải thu, thì còn khoản tiền phải thu về lãi chậm trả là 10.332.439.572 VND. Do đó, tổng số tiền còn phải thu của Công ty cổ phần Docimexco trên sổ sách kế toán của Công ty là 98.328.564.251 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn
Số đầu năm	(45.916.645.197)
Trích lập dự phòng bổ sung	(38.314.681.733)
Hoàn nhập dự phòng	5.250.793.591
Số cuối năm	(78.980.533.339)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	177.760.104	-	813.070.758	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở đang	-	-	634.242.690	-
Thành phẩm	3.548.325.511	(1.953.251.278)	5.677.983.092	-
Hàng hóa	96.479.885	-	1.928.306.163	-
Cộng	3.822.565.500	(1.953.251.278)	9.053.602.703	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	(1.953.251.278)	-
Số cuối năm	(1.953.251.278)	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	94.000.000	87.138.023
Chi phí lãi vay trả trước ngân hàng	-	311.855.556
Cộng	94.000.000	398.993.579

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	100.732.794	508.324.533
Chi phí thuê đất	137.083.336	195.833.335
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	62.096.571	894.301.180
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.181.816	46.183.555
Cộng	303.094.517	1.644.642.603

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	98.705.752.711	94.624.055.505	7.201.440.866	392.809.169	200.924.058.251
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	(42.575.030.496)	(37.303.307.691)	(3.060.395.457)	(85.158.000)	(83.023.891.644)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(42.092.005.196)	(37.303.307.691)	(3.060.395.457)	(85.158.000)	(82.540.866.344)
<i>Bản giao cho Ngân hàng</i>	(483.025.300)	-	-	-	(483.025.300)
Số cuối năm	56.130.722.215	57.320.747.814	4.141.045.409	307.651.169	117.900.166.607
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.030.672.044	7.283.852.947	1.317.653.174	216.259.940	11.848.438.105
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	28.691.150.679	42.247.427.014	3.476.207.226	377.641.978	74.792.426.897
Tăng trong năm	3.534.964.989	6.244.707.933	541.069.389	11.423.904	10.332.166.215
<i>Khấu hao trong năm</i>	3.534.964.989	6.244.707.933	541.069.389	11.423.904	10.332.166.215
Giảm trong năm	(7.432.243.370)	(11.350.322.496)	(1.441.958.206)	(85.158.000)	(20.309.682.072)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(7.074.847.014)	(11.350.322.496)	(1.441.958.206)	(85.158.000)	(19.952.285.716)
<i>Bản giao cho Ngân hàng</i>	(357.396.356)	-	-	-	(357.396.356)
Số cuối năm	24.793.872.298	37.141.812.451	2.575.318.409	303.907.882	64.814.911.040
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	70.014.602.032	52.376.628.491	3.725.233.640	15.167.191	126.131.631.354
Số cuối năm	31.336.849.917	20.178.935.363	1.565.727.000	3.743.287	53.085.255.567

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 39.528.527.188 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	42.318.628.859	92.562.000	42.411.190.859
Thanh lý, nhượng bán	(23.484.778.884)	-	(23.484.778.884)
Bản giao cho Ngân hàng	(2.701.800.000)	-	(2.701.800.000)
Số cuối năm	16.132.049.975	92.562.000	16.224.611.975
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	980.768.838	92.562.000	1.073.330.838
Khấu hao trong năm	208.030.369	-	208.030.369
Thanh lý, nhượng bán	(1.053.485.893)	-	(1.053.485.893)
Số cuối năm	135.313.314	92.562.000	227.875.314
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	41.337.860.021	-	41.337.860.021
Số cuối năm	15.996.736.661	-	15.996.736.661

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 14.024.724.286 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	376.996.059	168.724.539	-	208.271.520
<i>Trợ cấp thôi việc</i>	376.996.059	168.724.539	-	208.271.520
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	5.898.377.630	-	-	5.898.377.630
Cộng	6.275.373.689	168.724.539	-	6.106.649.150

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế năm 2014 và năm 2015 với số tiền là 154.047.183.268 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	295.000	10.282.458
Các nhà cung cấp khác	295.000	10.282.458
Cộng	295.000	10.282.458

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	64.700.000	681.637.500
Ông Võ Văn Thi	64.700.000	-
Công ty TNHH một thành viên Thăng Thăng Phát	-	233.900.000
SHENZHEN LIANYIMIYE LIMITED	-	447.737.500
Cộng	64.700.000	681.637.500

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.283.626	2.995.395	4.322.228.432	(4.219.648.283)	132.863.775	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.036.151.892)	-	1.036.151.892
Thuế thu nhập cá nhân	13.303.620	-	117.437.041	(118.524.139)	12.216.522	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.521.044	260.175.885	(257.654.841)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	293.859.471	(23.716.906)	270.142.565	-
Cộng	43.587.246	5.516.439	4.993.700.829	(5.655.696.061)	415.222.862	1.036.151.892

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Gạo, tấm	5%
- Kinh doanh các mặt hàng siêu thị, thanh lý tài sản	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(72.602.218.600)	(61.400.808.865)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.106.930.696	9.678.140.589
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.325.795.141)	(6.311.900.409)
Thu nhập chịu thuế	(78.821.083.045)	(58.034.568.685)
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh chính</i>	(74.918.157.163)	(75.226.100.223)
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	(3.902.925.882)	17.191.531.538
Thu nhập tính thuế	(78.821.083.045)	(58.034.568.685)
<i>Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh chính</i>	(74.918.157.163)	(75.226.100.223)
<i>Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	(3.902.925.882)	17.191.531.538
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản	<u>-</u>	<u>3.782.136.938</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>-</u>	<u>3.782.136.938</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 05 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 18.301,5 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.494.942.528	281.788.121
Chi phí lãi vay phải trả	11.494.942.528	281.788.121
Cộng	<u>11.494.942.528</u>	<u>281.788.121</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>417.516.000</i>	<i>417.516.000</i>
Cổ tức phải trả	369.516.000	369.516.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	48.000.000	48.000.000
Cộng	417.516.000	417.516.000

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	177.599.875.344	225.161.062.300
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long⁽ⁱ⁾</i>	<i>48.700.000.000</i>	<i>55.630.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>84.741.454.000</i>	<i>93.093.756.900</i>
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>53.900.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long^(iv)</i>	<i>4.979.296.244</i>	<i>4.660.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang^(v)</i>	<i>14.179.125.100</i>	<i>17.877.305.400</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6.000.000.000
Cộng	177.599.875.344	231.161.062.300

Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ vay của các ngân hàng.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 04 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay từ 02 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.9 và V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10) và thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	24.033.576.981	32.380.933.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.245.204.932	8.900.905.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	48.539.975	421.124.612
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	375.758.306	(4.846.613.996)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	6.809.851.418
Chiết khấu thanh toán	-	162.453.060
Chi phí tài chính khác	36.770.841	3.386.578
Cộng	<u>26.739.851.035</u>	<u>43.832.040.935</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	202.348.978
Chi phí vật liệu, bao bì	294.670.005	672.328.685
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	209.826.764	322.285.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.096.640.832	7.455.213.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.658.881.976	16.246.747.330
Các chi phí khác	159.319.907	991.871.145
Cộng	<u>11.419.339.484</u>	<u>25.890.795.473</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.334.469.296	15.960.652.716
Chi phí vật liệu quản lý	264.575.125	530.033.325
Chi phí đồ dùng văn phòng	148.265.723	201.270.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.992.962.952	2.356.189.961
Thuế, phí và lệ phí	436.317.392	452.695.215
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	33.063.888.142	39.777.492.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.291.946.011	2.391.394.264
Các chi phí khác	2.913.199.444	3.534.548.601
Cộng	<u>50.445.624.085</u>	<u>65.204.277.092</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.170.545.456	22.294.443.629
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	343.611.868	323.052.184
Thu nhập từ hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ	2.904.982.000	1.878.106.000
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	681.637.500	628.310.480
Thu nhập khác	387.474.108	671.170.354
Cộng	<u>5.488.250.932</u>	<u>25.795.082.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	225.161.062.300	201.683.195.158	48.274.950	(249.292.657.064)	177.599.875.344
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-	-	(6.000.000.000)	-
Cộng	231.161.062.300	201.683.195.158	48.274.950	(255.292.657.064)	177.599.875.344

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long ^(*)	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
Cộng	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	40.244.437.000
Số tiền vay đã trả	(40.244.437.000)
Số cuối năm	-

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Vay				129.875.499.300	164.303.677	130.039.802.977
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang ^(*)	14.179.125.100	11.028.209	14.190.153.309	17.877.305.400	13.904.571	17.891.209.971
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ^(*)	84.741.454.000	5.424.584.569	90.166.038.569	93.093.756.900	123.932.818	93.217.689.718
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long ^(*)	4.979.296.244	11.618.358	4.990.914.602	4.660.000.000	9.320.000	4.669.320.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long ^(*)	-	-	-	14.244.437.000	17.146.288	14.261.583.288
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh An Giang ^(**)	25.000.000.000	3.143.439.072	28.143.439.072	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ^(*)	48.700.000.000	2.904.272.320	51.604.272.320	-	-	-
Cộng	177.599.875.344	11.494.942.528	189.094.817.872	129.875.499.300	164.303.677	130.039.802.977

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Khoản vay này đã được gia hạn nợ.

(**) Khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	690.000	690.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	48.842.004	48.842.004
Cộng	49.532.004	49.532.004

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trợ cấp thôi việc còn phải trả	946.688.725	1.713.618.451
Cộng	946.688.725	1.713.618.451

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	119.599.820.000	32.013.194.783	5.268.205.297	(22.587.360.002)	134.293.860.078
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(65.442.566.333)	(65.442.566.333)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
Số dư cuối năm trước	119.599.820.000	32.013.194.783	5.268.205.297	(88.305.926.335)	68.575.293.745
Số dư đầu năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	-	(88.305.926.335)	68.575.293.745
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(72.770.943.139)	(72.770.943.139)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(92.000.000)	(92.000.000)
Số dư cuối năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	-	(161.168.869.474)	(4.287.649.394)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	47.840.000.000	47.840.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	27.928.640.000
Các cổ đông khác	43.831.180.000	43.831.180.000
Cộng	119.599.820.000	119.599.820.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	47.840.000.000	40,00	47.840.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	23,35	27.928.640.000	-
Các cổ đông khác	43.831.180.000	36,65	43.831.180.000	-
Cộng	119.599.820.000	100,00	119.599.820.000	-

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	296.849.389	384.451.639
Trên 1 năm đến 5 năm	1.187.397.556	1.537.806.554
Trên 5 năm	8.747.959.286	11.889.610.071
Cộng	10.232.206.231	13.811.868.264

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tổng số tiền thuê 16.325,70 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

22b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 20.124,38 USD (số đầu năm là 28.608,39 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	207.476.299.793	801.858.594.216
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.673.357.638	685.948.677
Cộng	209.149.657.431	802.544.542.893

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	45.412.936.860	76.662.445.178
<i>Doanh thu xuất khẩu ủy thác gạo</i>	<i>45.412.936.860</i>	<i>76.662.445.178</i>
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	101.503.600	-
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	<i>101.503.600</i>	<i>-</i>
Công ty lương thực Sóc Trăng	71.194.200	-
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	<i>71.194.200</i>	<i>-</i>
Công ty lương thực Bến Tre	16.143.995.000	25.262.541.750
<i>Doanh thu bán hàng hóa (gạo, nếp)</i>	<i>16.143.995.000</i>	<i>25.262.541.750</i>
Công ty lương thực Long An	-	14.400.000.000
<i>Doanh thu bán hàng hóa (nếp)</i>	<i>-</i>	<i>14.400.000.000</i>
Công ty lương thực Bạc Liêu	-	4.028.622.500
<i>Doanh thu bán hàng hóa (gạo)</i>	<i>-</i>	<i>4.028.622.500</i>
Công ty lương thực Đồng Tháp	-	17.151.267.500
<i>Doanh thu bán hàng hóa (tám)</i>	<i>-</i>	<i>17.151.267.500</i>
Công ty lương thực Trà Vinh	-	39.726.000
<i>Doanh thu bán thành phẩm (Mang trắng)</i>	<i>-</i>	<i>39.726.000</i>
Công ty lương thực Vĩnh Long	101.604.800	46.230.000
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	<i>101.604.800</i>	<i>46.230.000</i>
Công ty lương thực Sông Hậu	-	11.639.700.000
<i>Doanh thu bán hàng hóa (gạo)</i>	<i>-</i>	<i>11.639.700.000</i>
Công ty TNHH MTV lương thực TP.Hồ Chí Minh	-	261.000.000
<i>Doanh thu bán hàng hóa (tám)</i>	<i>-</i>	<i>261.000.000</i>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau	-	54.332.500
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	<i>-</i>	<i>54.332.500</i>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	200.645.289.400	789.289.788.855
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	1.953.251.278	(2.960.094.049)
Cộng	<u>202.598.540.678</u>	<u>786.329.694.806</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	48.784.055	15.565.198.415
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	73.839.597	103.937.345
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.558.865.415	3.479.478.622
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.138.700.123	10.305.759.295
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	301.255.531	6.867.386.956
Cộng	<u>8.121.444.721</u>	<u>36.321.760.633</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.650.856.884
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	-	115.648.611
Phạt do vi phạm hợp đồng	2.393.305.000	411.810.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	281.275.303	573.805.837
Chi phí môi giới	560.000.000	-
Chi phí khác	923.636.099	53.265.400
Cộng	<u>4.158.216.402</u>	<u>4.805.386.732</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	168.724.539	259.620.530
Cộng	<u>168.724.539</u>	<u>259.620.530</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.576.393.205	776.909.696.757
Chi phí nhân công	9.862.548.659	19.023.453.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.540.196.584	15.579.189.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.633.077.249	25.017.217.940
Chi phí khác	36.136.407.493	44.303.912.171
Cộng	<u>237.748.623.190</u>	<u>880.833.470.470</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền thu từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 201.683.195.158 VND.

2. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 295.537.094.064 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 108.371.269.195 VND Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2015 có giá trị 11.169.167.006 VND Công ty đang tiến hành khởi kiện và hi vọng sẽ được thanh toán.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã thực hiện vụ kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu với số tiền 31.347.563.097 VND. Mặc dù, Tòa án tỉnh Vĩnh Long đã ra phán quyết Công ty thắng kiện nhưng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính này, vẫn chưa có phán quyết của Tòa án nhân dân tối cao về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu này. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác". Nếu như Tòa án nhân dân tối cao ra phán quyết Công ty thắng kiện thì Công ty sẽ thu hồi lại tiền thuế bị truy thu này, trường hợp ngược lại Công ty phải ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chi phí của Công ty.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	958.300.000	1.615.446.154
Phụ cấp	3.450.000	77.250.000
Cộng	<u>961.750.000</u>	<u>1.692.696.154</u>

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH lương thực Kiên nông	Công ty con
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Sóc Trăng	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Bến Tre	Công ty con của cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty lương thực Long An	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Bạc Liêu	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Đồng Tháp	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Trà Vinh	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Vĩnh Long	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Sông Hậu	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV lương thực TP. Hồ Chí Minh	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty cổ phần Docimexco	Công ty con của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	45.713.945.530	77.349.989.515
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	<i>45.412.936.860</i>	<i>76.662.445.178</i>
<i>Phí giao nhận hàng hóa, phí ủy thác xuất khẩu</i>	<i>301.008.670</i>	<i>687.544.337</i>
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	101.503.600	-
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	<i>101.503.600</i>	-
Công ty lương thực Sóc Trăng	71.194.200	-
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	<i>71.194.200</i>	-
Công ty lương thực Bến Tre	16.143.995.000	25.262.541.750
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	<i>16.143.995.000</i>	<i>25.262.541.750</i>
Công ty lương thực Long An	-	64.178.300.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>14.400.000.000</i>
<i>Mua hàng lương thực</i>	-	<i>49.778.300.000</i>
Công ty lương thực Bạc Liêu	-	4.028.622.500
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>4.028.622.500</i>
Công ty lương thực Đồng Tháp	-	17.151.267.500
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>17.151.267.500</i>
Công ty lương thực Trà Vinh	-	39.726.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>39.726.000</i>
Công ty lương thực Vĩnh Long	101.604.800	113.164.817
<i>Doanh thu bán hàng lương thực, bao bì</i>	<i>101.604.800</i>	<i>46.230.000</i>
<i>Mua hàng lương thực</i>	-	<i>66.934.817</i>
Công ty lương thực Sông Hậu	64.256.000	11.755.710.420
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>11.639.700.000</i>
<i>Nhập mua bao PP</i>	<i>64.256.000</i>	<i>86.203.500</i>
<i>Phí giao nhận hàng hóa</i>	-	<i>29.806.920</i>
Công ty TNHH MTV lương thực TP. Hồ Chí Minh	-	261.000.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>261.000.000</i>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau	-	54.332.500
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	-	<i>54.332.500</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6, V.12 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh lương thực.

4b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước	127.729.135.571	482.995.705.663
Khu vực nước ngoài	81.420.521.860	319.548.837.230
Cộng	209.149.657.431	802.544.542.893

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước	226.182.622	1.951.382.000	157.991.304.133	285.154.226.549
Khu vực nước ngoài	-	-	-	-
Cộng	226.182.622	1.951.382.000	157.991.304.133	285.154.226.549

5. Số liệu so sánh

5a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	34.467.148.549	201.347.282	34.668.495.831	
Tài sản ngắn hạn khác	155	201.347.282	(201.347.282)	-	
Quỹ đầu tư phát triển	418	32.013.194.783	5.268.205.297	37.281.400.080	
Quỹ dự phòng tài chính		5.268.205.297	(5.268.205.297)	-	
Phải trả dài hạn khác	337	1.713.618.451	(1.713.618.451)	-	
Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	1.713.618.451	1.713.618.451	

6. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

6a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là cao và Công ty đang tiến hành khởi kiện một số khách hàng đã quá hạn thanh toán (xem thuyết minh V.3).

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.535.423.688	-	-	-	4.535.423.688
Chứng khoán kinh doanh	-	11.250.882	-	-	11.250.882
Phải thu khách hàng	5.585.574.250	-	-	114.844.804.000	120.430.378.250
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	33.912.081.498	-	173.159.046	-	34.085.240.544
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.500.000.000	10.000.000.000	-	-	11.500.000.000
Cộng	45.533.079.436	10.011.250.882	173.159.046	114.844.804.000	170.562.293.364
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.136.755.309	-	-	-	10.136.755.309
Chứng khoán kinh doanh	-	11.250.882	-	-	11.250.882
Phải thu khách hàng	13.451.692.769	-	-	118.471.065.554	131.922.758.323
Các khoản phải thu khác	33.991.139.461	-	-	-	33.991.139.461
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.500.000.000	10.000.000.000	-	-	11.500.000.000
Cộng	59.079.587.539	10.011.250.882	-	118.471.065.554	187.561.903.975

6b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	295.000	-	-	295.000
Vay và nợ	181.445.149.449	-	-	181.445.149.449
Các khoản phải trả khác	11.912.458.528	-	946.688.725	12.859.147.253
Cộng	193.357.902.976	-	946.688.725	194.304.591.701
Số đầu năm				
Phải trả người bán	10.282.458	-	-	10.282.458
Vay và nợ	231.161.062.300	40.244.437.000	-	271.405.499.300
Các khoản phải trả khác	699.304.121	-	1.713.618.451	2.412.922.572
Cộng	231.870.648.879	40.244.437.000	1.713.618.451	273.828.704.330

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tuy nhiên, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

6c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.124,38	28.608,39
Phải thu khách hàng	10.777,20	38.457,50
Vay và nợ	<u>(1.609.165,00)</u>	<u>(2.389.700,00)</u>
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	<u>(1.578.263,42)</u>	<u>(2.322.634,11)</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 708.892.797 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 992.647.366 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.300.000.000	-	850.000.000	
Vay và nợ	(177.599.875.344)	(1.609.165,00)	(204.584.437.000)	(2.389.700,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(174.299.875.344)	(1.609.165,00)	(203.734.437.000)	(2.389.700,00)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.485.997.507 VND (năm trước giảm/tăng 4.074.688.740 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 361.386.276 VND (năm trước giảm/tăng 510.654.993 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.240.500 VND (số đầu năm là 1.472.100 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

6d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 116.977.132.291 VND (số đầu năm là 126.884.221.335 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.535.423.688	-	10.136.755.309	-	4.535.423.688	10.136.755.309
Chứng khoán kinh doanh	11.250.882	(10.010.382)	11.250.882	(9.778.782)	1.240.500	1.472.100
Phải thu khách hàng	120.430.378.250	(78.980.533.339)	131.922.758.323	(42.839.681.530)	41.449.844.911	89.083.076.793
Các khoản phải thu khác	34.085.240.544	-	33.991.139.461	-	34.085.240.544	33.991.139.461
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.500.000.000	(1.227.618.805)	11.500.000.000	(1.209.640.002)	10.272.381.195	10.290.359.998
Cộng	170.562.293.364	(80.218.162.526)	187.561.903.975	(44.059.100.314)	90.344.130.838	143.502.803.661

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	295.000	10.282.458	295.000
Vay và nợ	177.599.875.344	271.405.499.300	177.599.875.344	271.405.499.300
Các khoản phải trả khác	12.859.147.253	2.412.922.572	12.859.147.253	2.412.922.572
Cộng	190.459.317.597	273.828.704.330	190.459.317.597	273.828.704.330

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 72.770.943.139 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 161.168.869.474 VND. Ngoài ra, tại ngày 31

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 102.292.745.850 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty đã làm việc với các ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay và các cổ đông cùng các bên có liên quan của Công ty cũng cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền nợ mua nguyên vật liệu và hàng hóa cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

